

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 82/2021/DS-ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2021

Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đình Long** và ông **Nguyễn Văn Sáu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Công Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Trịnh Xuân Trang**.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-DS ngày 24/02/2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-DS ngày 27/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-DS ngày 12/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 35, HV, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1043a/.BH ngày 22/5/2021): Ông Nguyễn Cao T – Chức vụ: Phó giám đốc PGD K.

Địa chỉ: số 105, NTT, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Y A, bà H' B.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Y H.

2. Anh Y H1.

3. Chị H' L.

4. Chị H' L1.

5. Chị H' L2.

6. Chị H' L3.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Anh Y H2.

Địa chỉ: Buôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2021 và bản tự khai ngày 23/3/2021, đại diện nguyên đơn trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018 và 02/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018 được ký giữa ông Y A và NH Bắc Đắk Lắk thì số tiền vay 500.000.000 đồng, cụ thể: hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018, số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/12/2018 đến 06/12/2019, lãi suất 11,9%/ năm, mục đích vay tiêu dùng gia đình, mua nội thất, làm sân rào cổng, lịch trả nợ gốc ngày 06/12/2019, lịch trả nợ lãi chia làm các kỳ vào ngày 05/3/2019, 05/6/2019, 06/9/2019, 05/12/2019; hợp đồng tín dụng số 02/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018, số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/12/2018 đến 06/12/2019, lãi suất 11,6%/ năm, mục đích vay đầu tư chăm sóc 2,27ha cà phê, lịch trả nợ gốc ngày 06/12/2019, lịch trả nợ lãi chia làm các kỳ vào ngày 05/3/2019, 05/6/2019, 06/9/2019.

Tổng dư nợ tính đến ngày 07/01/2021 là 609.022.603 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 76.830.822 đồng + lãi quá hạn 32.191.781 đồng.

Tài sản thế chấp là bất động sản theo giấy chứng nhận QSD đất số CC 314055 do UBND huyện K cấp ngày 13/11/2018, diện tích 3.023,3m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: tại xã E - huyện K, cấp cho ông Y A, bà H' B; giấy chứng nhận QSD đất số A 952289 do UBND huyện K cấp ngày 11/01/1993, diện tích 10.650m² thuộc thửa đất số 19+31+30, tờ bản đồ số 17+20, địa chỉ: tại xã E - huyện K, cấp cho ông Y A; giấy chứng nhận QSD đất số V 362496 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2002, diện tích 9.120m² thuộc thửa đất số 66+78+77, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: tại xã E - huyện K, cấp cho hộ Y A.

Mặc dù nhiều lần ngân hàng đã đến thông báo nợ và làm việc nhưng khách hàng không chịu trả, không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông Y A, bà H' B phải trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng, cụ thể: Tổng số tiền phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 07/01/2021 là 609.022.603 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 76.830.822 đồng + lãi quá hạn 32.191.781 đồng. Và số tiền lãi, lãi phạt và lãi chậm trả đối với lãi phát sinh sau ngày 07/01/2021 đến khi khách hàng thanh toán hết toàn bộ số dư nợ gốc 500.000.000 đồng cho ngân hàng. Nếu trường hợp ông Y A và bà H' B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì tài sản đã thế chấp được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2021, ông Y A và bà H' B trình bày: Vợ chồng chúng tôi có ký kết với ngân hàng 02 hợp đồng tín dụng để vay số tiền 500.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD ngày

06/12/2018, số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 06/12/2018 đến ngày 05/12/2019), mục đích vay là đầu tư chăm sóc cà phê, lãi suất vay thì chúng tôi không nhớ rõ; Hợp đồng tín dụng số 02/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018, số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 06/12/2018 đến ngày 05/12/2019), mục đích vay là đầu tư chăm sóc cà phê, lãi suất vay thì chúng tôi không nhớ rõ.

Chúng tôi có ký kết với ngân hàng 02 hợp đồng thế chấp bất động sản, cụ thể là: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7078758/HĐĐS ngày 22/4/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/7078758/HĐBĐ ngày 06/8/2018.

Tài sản thế chấp gồm có: Diện tích đất 10.650m², thửa đất số 19, 30, 31, tờ bản đồ số 17, 20. Lô đất được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 11/01/1993 mang tên ông Y A; địa chỉ đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích đất 9.120m², thửa đất số 66, 77, 78, tờ bản đồ số 30. Lô đất được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 27/12/2002 mang tên hộ ông Y A; địa chỉ đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích đất 3.023,3m², thửa đất số 47, tờ bản đồ số 85. Lô đất được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 13/11/2018 mang tên ông Y A, bà H' B; địa chỉ đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đến thời điểm hiện tại thì vợ, chồng chúng tôi chưa trả cho ngân hàng được số tiền gốc và lãi suất nào. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì quan điểm của vợ chồng chúng tôi là đồng ý trả nợ cho ngân hàng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin ngân hàng gia hạn thêm thời gian trả nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Y H, Y H1, Y H2, chị H' L, H' L1, H' L2, H' L3 nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng xác định về khoản vay đối với số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng thì ông Y A, bà H' B chưa thanh toán được khoản nào. Về khoản nợ lãi thì ông Y A, bà H' B chỉ mới thanh toán được một phần nợ lãi, số lãi còn lại thì không thực hiện hoàn trả khi đã đến kỳ hạn. Đại diện ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện là đề nghị ông Y A và bà H' B phải trả cho ngân hàng tổng số nợ gốc của hai hợp đồng đã vay là 500.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2021) là 169.679.950 đồng (trong đó, lãi trong hạn 115.817.808 đồng + lãi quá hạn 51.696.233 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 2.165.909 đồng), tổng cộng là 669.679.950 đồng. Ông Y A, bà H' B phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả theo như mức lãi suất của các hợp đồng vay đã ký kết tính từ ngày 01/9/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Nếu ông Y A, bà H' B không trả hoặc trả không đủ số nợ cho ngân hàng thì tài sản đã thế chấp theo giấy chứng nhận QSD đất số số CC 314055, A 952289 và V 362496 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đủ tư cách các đương sự. Tại phiên toà, Thẩm phán điều hành trình tự theo đúng thủ tục, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung tranh chấp: Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng. Buộc ông Y A và bà H' B phải trả cho ngân hàng số tiền đã vay và nợ, trong đó gốc 500.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 31/8/2021 là 169.679.950 đồng (trong đó, lãi trong hạn 115.817.808 đồng + lãi quá hạn 51.696.233 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 2.165.909 đồng), tổng cộng là 669.679.950 đồng. Ông Y A , bà H' B phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi như các hợp đồng đã ký. Sau khi ông Y A , bà H' B trả xong nợ thì ngân hàng phải trả lại 03 giấy chứng nhận QSD đất ông Y A, bà H' B; nếu không trả hoặc trả không đủ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo thủ tục thi hành án dân sự. Về án phí, đương sự là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và cùng có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện ông Y A và bà H' B, về việc phải thanh toán cho ngân hàng khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018 và 02/2018/7078758/HĐTD, ký cùng ngày 06/12/2018. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Y A, bà H' B có hộ khẩu thường trú tại buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.3] Bị đơn ông Y A và bà H' B vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Y H, Y H1, Y H2, chị H' L, H' L1, H' L2, H' L3 mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Ngày 06/12/2018, ông Y A ký các hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD ngày 06/12/2018 với ngân hàng vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân 06/12/2018, lãi suất cho vay trong hạn 11,9%/ năm. Mục đích vay: Tiêu dùng gia đình, mua nội thất, làm sân rào cổng. Ngày

trả nợ gốc là 06/12/2019, lãi vay được trả theo định kỳ vào các ngày 05/3/2019, 05/6/2019, 06/9/2019, 05/12/2019.

Cùng ngày (06/12/2018), ông Y A ký tiếp hợp đồng tín dụng số 02/2018/7078758/HĐTD để vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân 06/12/2018, ngày đáo hạn 06/12/2019, lãi suất cho vay trong hạn 11,6%/năm. Mục đích vay: Đầu tư, chăm sóc 2,27ha cà phê. Ngày trả nợ gốc là 06/12/2019, lãi vay được trả theo định kỳ vào các ngày 05/3/2019, 05/6/2019, 06/9/2019.

Hợp đồng tín dụng đã được các bên ký kết là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như đến nay, ông Y A và bà H' B chưa thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc cũng như nợ lãi mặc dù đã đến hạn. Ông Y A, bà H' B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ gốc mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Khoản nợ gốc của ông Y A, bà H' B đối với số tiền qua các lần vay là 500.000.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 06/12/2019, lỗi hoàn toàn thuộc về ông Y A, bà H' B. Ngân hàng yêu cầu ông Y A, bà H' B phải hoàn trả tổng số tiền nợ gốc qua các lần vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký là 500.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền nợ lãi: Khi ký kết các hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn (lãi phạt) cũng như lãi chậm trả đối với lãi... Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y A và bà H' B chỉ mới thanh toán một phần lãi suất cho ngân hàng. Đến kỳ trả nợ lãi thì không thực hiện như đã thỏa thuận và ngân hàng yêu cầu tính lãi suất (bao gồm lãi trong hạn + lãi quá hạn + lãi chậm trả đối với lãi) của số nợ mà ông Y A, bà H' B đã nợ theo mức lãi như các hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ.

Tính đến ngày 31/8/2021 thì ông Y A, bà H' B đã nợ và phải trả cho ngân hàng số tiền gốc là 500.000.000 đồng đồng và 169.679.950 đồng (trong đó, lãi trong hạn 115.817.808 đồng + lãi quá hạn 51.696.233 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 2.165.909 đồng), tổng cộng là 669.679.950 đồng.

Ông Y A, bà H' B phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD và 02/2018/7078758/HĐTD kể từ ngày 01/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 01/2015/7078758/HĐBĐ ngày 22/4/2015 và số 01/2018/7078758/HĐBĐ ngày 06/12/2018 giữa bên thế chấp ông Y A, bà H' B với bên nhận thế chấp là Ngân hàng đều có chữ ký của các bên và đã được chứng thực tại UBND xã E và công chứng tại tổ chức công chứng có thẩm quyền nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Trường hợp ông Y A, bà H' B thanh toán hết khoản nợ trên cho ngân hàng thì ngân hàng có trách nhiệm: trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất số A 952289 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/01/1993 cho ông Y A, trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất số V 362496 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/12/2002 cho hộ ông Y A và trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất số CC 314055 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/11/2018 cho ông Y A, bà H' B.

Nếu ông Y A, bà H' B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số A 952289 , số V 362496 và số CC 314055 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Y A, bà H' B là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

Nguyên đơn ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

1.1. Buộc ông Y A, bà H' B phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 669.679.950 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng + nợ lãi tính đến ngày 31/8/2021 là 169.679.950 đồng).

Kể từ ngày 01/9/2021, ông Y A, bà H' B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 01/2018/7078758/HĐTD và 02/2018/7078758/HĐTD cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.2. Trường hợp ông Y A, bà H' B thanh toán hết nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có trách nhiệm: trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất số A 952289 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/01/1993 cho ông Y A, trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất số V 362496 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/12/2002 cho hộ ông Y A và trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất số CC 314055 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/11/2018 cho ông Y A, bà H' B.

1.3. Trường hợp ông Y A, bà H' B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số 952289 , số V 362496 và số CC 314055 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Y A, bà H' B.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 14.180.000 đồng (do ông Mai Hoàng M nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015232 ngày 04/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những phần liên quan trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn